TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Cao Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nđ, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp H, xã NY, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang *(xin vắng mặt).*

2- Bị đơn: Anh Huỳnh My Bđ, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp KQ B, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(vắng mặt lần thứ hai).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20-02-2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nđ và anh My Bđ được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2002. Quá trình chung sống anh,chị không có đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên hai người ly thân nhau vào năm 2019.

Chị Nđ và anh My Bđ sống chung có 02 con chung là Huỳnh Lq1, sinh ngày 19/8/2003 và Huỳnh Thị Trúc Lq2, sinh ngày 11/5/2009, hiện 02 cháu đang sống chung với chị Nđ. Hiện nay chị Nđ đang làm công nhân tại Công ty thực phẩm Vinam với thu nhập bình quân là 6.000.000 đồng/tháng.

Chị Nđ khởi kiện xin ly hôn với anh My Bđ; về con chung: chị Nđ xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh My Bđ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Huỳnh My Bđ không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nđ với anh My Bđ; về con giao 02 con chung cho chị Nđ nuôi dưỡng, anh My Bđ không cấp dưỡng nuôi con do chị Nđ không yêu cầu; về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh My Bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh My Bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh My Bđ. Nguyên đơn chị Nđ có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị Nđ và anh Huỳnh My Bđ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và sống chung từ đó đến khi ly thân vào năm 2019. Quá trình sống chung anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, mặc dù chị Nđ với anh My Bđ sống

chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng",* và tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay chị Nđ có yêu cầu ly hôn với anh My Bđ nên Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nđ với anh My Bđ.

[4] Về con chung, chị Nđ và anh My Bđ sống chung có 02 con chung là Huỳnh Lq1, sinh ngày 19/8/2003 và Huỳnh Thị Trúc Lq2, sinh ngày 11/5/2009, hiện 02 cháu đang sống chung với chị Nđ. Chị Nđ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; anh My Bđ không thể hiện ý kiến, nguyện vọng. Thấy rằng thời gian qua các con chung được chị Nđ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không xảy ra sơ suất gì; chị Nđ có thu nhập đủ để nuôi con; cháu Lq1 và cháu Lq2 thể hiện nguyện vọng sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng; anh My Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nđ không yêu cầu

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh, chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị Nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Nđ với anh Huỳnh My Bđ.

2. Về con chung: giao 02 con chung là Huỳnh Lq1, sinh ngày 19/8/2003 và Huỳnh Thị Trúc Lq2, sinh ngày 11/5/2009 cho chị Lê Thị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn (Hai cháu hiện nay đang sống chung với chị Nđ); anh Huỳnh My Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con..

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Lê Thị Nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0007714 ngày 20-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công